

3. Giảng viên toàn thời gian, giảng viên thỉnh giảng theo lĩnh vực

3.1 Giảng viên toàn thời gian theo lĩnh vực các trình độ từ cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ (người)

STT	Lĩnh vực	Mã ngành	Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng	Tổng giảng viên quy đổi xác định chỉ tiêu
I	Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ								
II	Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ thạc sĩ								
III	Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ ĐH, CĐSP								
1	Công nghệ kỹ thuật	751	0	1	11	61	0	73	51,9
1.1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	0	0	6	25	0	31	22,2
1.2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	0	1	5	36	0	42	29,7
2	Pháp luật	738	0	1	6	9	0	16	6,4
2.1	Luật	7380101	0	1	6	9	0	16	6,4
3	Khoa học xã hội và hành vi	731	0	3	29	54	0	86	33,9
3.1	Chính trị học	7310201	0	1	12	16	0	29	11,4
3.2	Quan hệ quốc tế	7310206	0	1	11	23	0	35	13,4
3.3	Kinh tế	7310101	0	1	6	15	0	22	9,1
4	Kinh doanh và quản lý	734	0	2	19	57	0	78	41,4
4.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	0	1	7	16	0	24	10,4
4.2	Kế toán	7340301	0	1	6	19	0	26	15,8
4.3	Quản trị kinh doanh	7340101	0	0	6	22	0	28	15,2
5	Máy tính và công nghệ thông tin	748	0	0	6	32	0	38	22,3
5.1	Công nghệ thông tin	7480201	0	0	6	32	0	38	22,3
	Tổng số giảng viên giảng dạy ĐH, CĐSP		0	7	71	213	0	291	155,9

STT	Lĩnh vực	Mã ngành	Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng	Tổng giảng viên quy đổi xác định chỉ tiêu
IV	Giảng viên toàn thời gian tham gia ĐTTX trình độ ĐH								

Hiệu trưởng

Trưởng đơn vị

Người tổng hợp



PGS.TS. Phạm Quốc Thành

[Handwritten signature]
Hoàng Phương Hải

[Handwritten signature]
Ngô Thị Thanh Tuyền